

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN - TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 01 NĂM 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KỶ TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

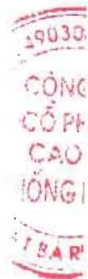
	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		206,734,609,149	218,933,694,083
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	134,403,282,040	139,520,497,552
Tiền	111		14,403,282,040	29,520,497,552
Các khoản tương đương tiền	112		120,000,000,000	110,000,000,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,000,000,000	10,000,000,000
Đầu tư ngắn hạn	121		10,000,000,000	10,000,000,000
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		11,464,292,466	25,165,693,988
Phải thu khách hàng	131	V.3	14,428,593,872	27,060,328,310
Trả trước cho người bán	132	V.4	30,000,000	79,394,993
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	V.6	1,942,698,594	2,962,970,685
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(4,937,000,000)	(4,937,000,000)
Hàng tồn kho	140		36,461,063,616	32,540,022,404
Hàng tồn kho	141	V.8	36,461,063,616	32,540,022,404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		14,405,971,027	11,707,480,139
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	2,573,771,668	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.10	-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.11	11,086,441,620	11,012,610,246
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	745,757,739	694,869,893



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129,356,907,018	129,132,227,577
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		102,167,510,403	101,841,349,864
Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	63,944,151,825	65,674,606,991
Nguyên giá	222	V.14	127,112,967,614	127,112,967,614
Giá trị hao mòn lũy kế	223	V.14	(63,168,815,789)	(61,438,360,623)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	38,223,358,578	36,166,742,873
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		378,220,911	479,702,009
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	378,220,911	479,702,009
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	V.19	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		336,091,516,167	348,065,921,660



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		19,833,766,619	31,848,800,986
Nợ ngắn hạn	310		19,833,766,619	31,848,800,986
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	247,426,902	247,426,902
Phải trả cho người bán	312	V.21	2,899,903,499	3,828,597,534
Người mua trả tiền trước	313	V.22	632,600,000	632,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.23	83,194,009	2,199,448,190
Phải trả công nhân viên	315	V.24	1,876,634,614	6,922,027,999
Chi phí phải trả	316	V.25	13,922,609,183	12,422,842,004
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.26	2,219,288,473	2,054,639,070
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	V.28	(2,047,890,061)	3,541,219,287
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		316,257,749,548	316,217,120,674
Vốn chủ sở hữu	410		316,257,749,548	316,217,120,674
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.30	192,500,000,000	192,500,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	V.30	65,243,925,382	65,243,925,382
Quỹ dự phòng tài chính	418	V.30	12,531,062,057	12,531,062,057
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.30	45,982,762,109	45,942,133,235
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		336,091,516,167	348,065,921,660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/03/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		42,199,775	42,699,775
Ngoại tệ các loại			
- USD		2,509.19	2,505.98
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Nguyễn Nhật Thành Lâm

Nguyễn Hữu Mạnh Nường



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	Quý 01		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5,609,223,848	21,688,882,693	5,609,223,848	21,688,882,693
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		5,609,223,848	21,688,882,693	5,609,223,848	21,688,882,693
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4,965,293,028	18,196,868,647	4,965,293,028	18,196,868,647
Lợi nhuận gộp	20		643,930,820	3,492,014,046	643,930,820	3,492,014,046
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,074,231,452	3,574,191,844	1,074,231,452	3,574,191,844
Chi phí tài chính	22	VI.4	-	-	-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24	VI.5	19,586,609	30,265,165	19,586,609	30,265,165
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,754,551,577	1,598,305,834	1,754,551,577	1,598,305,834
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(55,975,914)	5,437,634,891	(55,975,914)	5,437,634,891
Thu nhập khác	31	VI.7	187,466,808	4,255,800,927	187,466,808	4,255,800,927
Chi phí khác	32	VI.8	78,554,721	201,864,176	78,554,721	201,864,176
Lợi nhuận khác	40		108,912,087	4,053,936,751	108,912,087	4,053,936,751
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52,936,173	9,491,571,642	52,936,173	9,491,571,642
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		12,307,299	1,707,858,996	12,307,299	1,707,858,996
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40,628,874	7,783,712,646	40,628,874	7,783,712,646
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2	2	2	404

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		52,936,173	9,491,571,642
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02	VIII.1	1,722,622,818	1,738,017,528
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	(50,000,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VIII.2	(1,118,901,452)	(7,533,381,844)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		656,657,539	3,646,207,326
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		13,543,687,409	(2,111,182,033)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(3,921,041,212)	(4,876,821,342)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(5,025,491,589)	(15,332,399,333)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(2,472,290,570)	(11,204,013,932)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,303,995,836)	(106,514,902)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5,581,277,000)	(5,824,846,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4,103,751,259)	(35,809,570,216)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	VIII.3	(2,056,615,705)	(1,810,454,744)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		44,670,000	3,959,190,000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,074,231,452	3,574,191,844
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(937,714,253)	(4,277,072,900)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(75,750,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75,750,000)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(5,117,215,512)	(40,086,643,116)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		139,520,497,552	197,671,943,817
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		134,403,282,040	157,585,300,701

Nguyễn Nhật Thành Lâm

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 30/12/2013, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Các địa điểm kinh doanh của Công ty:

- Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Nông Trường Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Nhà máy Chế biến mủ cao su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Nhà máy Chế biến mủ cao su Phong Phú - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Hưng Long – P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Xí nghiệp Chế biến Nông sản Phước Hưng – P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Lê Cao Thương	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên (từ ngày 24/04/2013)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên
Ông Hà Phú Quý	Thành viên (từ 24/04/2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	Phó Tổng Giám đốc

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Nông nghiệp & công nghiệp chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

II. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ tài chính

Kỳ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định của Bộ Tài chính số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 & Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 V/v Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn từ 3 tháng trở xuống, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chúng từ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:	5 – 20 năm
- Máy móc thiết bị:	4 – 15 năm
- Phương tiện vận tải:	6 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý:	3 – 8 năm
- Vườn cây cao su:	6 – 20 năm

6. Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

7. Tài sản cố định vô hình

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ

9. Đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Là dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

11. Chi phí trả trước dài hạn

- Các khoản chi phí khác như mua CCDC, sửa chữa nâng cấp nhà xưởng ... không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm.

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trích trước tiền thuê đất phải trả được tạm tính dựa vào khung giá đất của UBND tỉnh ban hành. Khi hoàn tất thủ tục cho thuê đất, công ty tiến hành quyết toán tiền thuê đất với cơ quan thuế. Nếu tiền thuê đất thực tế cao hơn so với chi phí trích trước thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ hoặc một phần bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu tiền thuê đất thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.
- 13. Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.**
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.
- 14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**
- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
 - Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
 - Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
 - Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 15. Cổ phiếu quỹ**
Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu;
- 16. Cổ tức**
- Cổ tức được trả cho cổ đông bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn trong kỳ cổ tức được công bố.
- 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm 2006 và giảm 50% trong 08 năm tiếp theo kể từ năm 2009 đối với hoạt động sản xuất cao su theo khoản 7 - điều 36 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của chính phủ. Số thuế thu nhập miễn giảm được bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.
- 18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.
- 19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**
- Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- 20. Bên liên quan**
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	1,029,458,613	1,232,057,079
Tiền gửi ngân hàng	13,373,823,427	28,288,440,473
Các khoản tương đương tiền	120,000,000,000	110,000,000,000
Tổng cộng	134,403,282,040	139,520,497,552

Chi tiết số dư tiền mặt phù hợp với số liệu Sổ quỹ tiền mặt tại văn phòng công ty và số quỹ của các đơn vị trực thuộc công ty vào ngày 31/03/2014 chi tiết như sau:

Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	520,514,910		520,514,910
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	53,215,215		53,215,215
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2 (XDCB)	10,589,938		10,589,938
Tại quỹ NTCS Phong Phú	17,924,423		17,924,423
Tại quỹ NTCS Phong Phú (XDCB)	2,000,000		2,000,000
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	229,000		229,000
Tại quỹ Nhà máy SCCS Phong Phú	1,090,596		1,090,596
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	171,675,406		171,675,406
Tại quỹ Nhà máy CBTACN Hưng Long	252,219,125		252,219,125
Tổng cộng	1,029,458,613	-	1,029,458,613

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng phù hợp với số liệu ghi sổ kế toán và Giấy báo số dư của các ngân hàng vào ngày 31 tháng 03 năm 2014, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi ngoại tệ	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT T.p Vũng tàu	2,132,901,420	52,881,183	2,185,782,603
Sacombank - PGD Bà Rịa	59,576,518		59,576,518
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	3,443,969,395		3,443,969,395
Maritime Bank - PGD Bà Rịa	6,680,342,159		6,680,342,159
VietinBank - PGD Bà Rịa	1,004,152,752		1,004,152,752
Tổng cộng	13,320,942,244	52,881,183	13,373,823,427

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền hàng phù hợp với số liệu ghi sổ kế toán và Giấy báo số dư của các ngân hàng vào ngày 31 tháng 03 năm 2014, chi tiết như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	120,000,000,000	110,000,000,000
Tổng cộng	120,000,000,000	110,000,000,000

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng	10,000,000,000	10,000,000,000
Đầu tư khác		
Tổng cộng	10,000,000,000	10,000,000,000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
DNTN Phát Hưng	4,219,180,000	4,219,180,000
Công ty Cổ phần SX-TM-DV Đồng Nai		290,777,760
Châu Thị Hồng Điệp	29,320,410	24,140,340
Công ty CP Tài Nguyên - Á Châu	3,514,705,700	3,514,705,700
Công ty Cổ phần Long Sơn	736,969,592	11,249,880,690
DNTN TM Tuyết Sơn	354,118,000	357,131,200
Công ty TNHH SX-TM Long Nguyên	141,830,000	
Công ty TNHH Thành Lợi	2,812,711,166	3,812,711,166
Công ty TNHH Phi Thiên		162,844,000
Các đại lý bán thức ăn chăn nuôi	2,619,759,004	3,428,957,454
Tổng cộng	14,428,593,872	27,060,328,310

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CP TV Đầu tư Xây dựng Tổng hợp tỉnh BRVT	30,000,000	30,000,000
Công ty TNHH XD-TM-SX Đồng Vĩnh Tiến		32,994,893
Võ Hồng Hạnh		5,379,600
La Văn Phước		4,933,000
Nguyễn Thành Sang		6,087,500
Tổng cộng	30,000,000	79,394,993

5. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
DNTN Phát Hưng	717,820,000	717,820,000
Phải thu phụ cấp HĐQT & BKS	357,000,000	303,000,000
Lãi dự thu	211,000,000	664,000,000
Nộp thừa Bảo hiểm xã hội		500,810,815
Thuế TNCN phải thu của người lao động	205,705,060	312,524,700
Bảo hiểm phải thu của người lao động	427,773,434	457,815,170
Phải thu khác	23,400,100	7,000,000
Tổng cộng	1,942,698,594	2,962,970,685

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối quý	Số đầu năm
DNTN Phát Hưng	4,937,000,000	4,937,000,000
Tổng cộng	4,937,000,000	4,937,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1,728,355,182	2,770,918,852
Công cụ, dụng cụ	603,072,735	585,438,559
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1,358,031,588	141,601,806
Thành phẩm	32,712,668,289	29,039,833,187
Hàng hóa	58,935,822	2,230,000
Tổng cộng	36,461,063,616	32,540,022,404
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	36,461,063,616	32,540,022,404

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất chờ phân bổ	-	2,045,557,179	198,113,500	1,847,443,679
Chi phí khấu hao cơ bản chờ phân bổ	-	1,722,622,818	1,030,402,625	692,220,193
Bảo hiểm chờ phân bổ	-	963,192,793	530,373,358	432,819,435
Chi phí khác chờ phân bổ	-	1,056,539,983	1,455,251,622	(398,711,639)
Tổng cộng	-	5,787,912,773	3,214,141,105	2,573,771,668

10. Thuế GTGT được khấu trừ

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ		
Cộng		

11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	74,345,094	
Thuế tài nguyên	4,017,300	4,531,020
Tiền thuê đất nông nghiệp	11,008,079,226	11,008,079,226
Tổng cộng	11,086,441,620	11,012,610,246

12. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Các khoản tạm ứng nhân viên	265,757,739	214,869,893
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	480,000,000	480,000,000
Tổng cộng	745,757,739	694,869,893

13. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

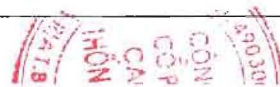
Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

14. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây Cao su	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	37,343,023,635	21,097,911,859	3,653,103,507	1,092,022,320	63,926,906,293	127,112,967,614
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Mua sắm mới</i>						
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>						
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
<i>Giảm khác</i>						
Số cuối kỳ	37,343,023,635	21,097,911,859	3,653,103,507	1,092,022,320	63,926,906,293	127,112,967,614
Đã khấu Hao hết						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	25,978,457,904	11,262,095,433	3,393,552,327	1,017,456,788	19,786,798,171	61,438,360,623
Tăng trong kỳ	508,110,645	507,176,135	33,196,560	7,432,356	674,539,470	1,730,455,166
<i>Khấu hao</i>	508,110,645	507,176,135	33,196,560	7,432,356	674,539,470	1,730,455,166
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
<i>Giảm khác</i>						
Số cuối kỳ	26,486,568,549	11,769,271,568	3,426,748,887	1,024,889,144	20,461,337,641	63,168,815,789
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	11,364,565,731	9,835,816,426	259,551,180	74,565,532	44,140,108,122	65,674,606,991
Số cuối kỳ	10,856,455,086	9,328,640,291	226,354,620	67,133,176	43,465,568,652	63,944,151,825
Tạm thời chưa sử dụng						
Chờ thanh lý						



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Giá trị hao mòn				
Giá trị còn lại				

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vườn cây cao su tại NTCS Phong phú	9,591,603,124	9,251,058,868
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình 2	27,159,625,941	25,655,939,946
Kho thành phẩm Nhà máy CBMCS Phong Phú	1,232,129,513	1,019,744,059
Phần mềm Quản lý vườn cây	240,000,000	240,000,000
Tổng cộng	38,223,358,578	36,166,742,873

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu		
Đầu tư trái phiếu		
Góp vốn vào Cảng Baria-Secere (chiếm 12% vốn pháp định)	26,811,175,704	26,811,175,704
Cộng	26,811,175,704	26,811,175,704

18. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Chi phí (chi phí đo đạc, công cụ dụng cụ, chi phí khác bằng tiền ...)	479,702,009	41,020,000	142,501,098	378,220,911
Tổng cộng	479,702,009	41,020,000	142,501,098	378,220,911

19. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tổng cộng		

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công nợ thâm canh cà phê	247,426,902	247,426,902
Cộng	247,426,902	247,426,902

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Phải trả cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyễn Thành Trung	31,740,000	31,740,000
Châu Thị Thái		52,500,000
Công ty TNHH XD Xuân Thọ		796,048,900
Công ty CP TVTK & ĐTXD Hưng Việt		29,143,616
Nguyễn Thị Nga – Chi phí gia công điều	130,813,198	
Nguyễn Thị Hạnh – Chi phí gia công điều	141,806,312	
Phan Thị Thu Tuyết – Chi phí gia công điều	115,347,314	
Nguyễn Thị Tuyết – Chi phí gia công điều	183,473,289	
Công nợ mua nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	2,296,723,386	2,919,165,018
Cộng	2,899,903,499	3,828,597,534

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632,600,000	632,600,000
Tổng cộng	632,600,000	632,600,000

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	70,886,710	852,224,909
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,307,299	1,303,995,836
Thuế thu nhập cá nhân		43,227,445
Tổng cộng	83,194,009	2,199,448,190

24. Phải trả người lao động

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền lương phải trả cho người lao động	1,876,634,614	6,922,027,999
Tổng cộng	1,876,634,614	6,922,027,999

25. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền ăn giữa ca	-	194,790,000
- NTCS Phong Phú		43,965,000
- NTCS Hòa Bình		130,785,000
- Nhà máy SCCS Bàu Non		14,070,000
- Nhà máy SCCS Phong Phú		5,970,000
Chi phí thuê đất	13,718,609,183	11,673,052,004
- NTCS Hòa Bình 2	11,649,624,488	10,028,321,000
- NTCS Phong Phú	2,068,984,695	1,644,731,004
Tiền thuê xe	144,000,000	480,000,000
Chi phí kiểm toán BCTC 06 tháng	60,000,000	60,000,000
Chi phí XNG		15,000,000
Cộng	13,922,609,183	12,422,842,004

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

26. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn phải nộp	390,147,197	314,294,410
Bảo hiểm xã hội phải nộp	255,704,152	
Ký quỹ thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình	409,666,315	453,063,008
Tiền trợ cấp ốm đau, thai sản		66,974,482
Phải nộp về công ty - NTCS Hòa Bình	180,464	180,464
Phải nộp về công ty - XDCEB NTCS Hòa Bình	19,375,731	17,913,462
Phải nộp về công ty - NTCS Phong Phú	9,124,826	7,112,826
Phải nộp về công ty - Nhà máy CBMCS Phong Phú	384,500	
Phải nộp về công ty - Nhà máy CBTACN Hưng Long	20,523,503	
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1,073,897,268	1,149,647,268
Bảo hiểm phải trả người lao động	40,284,517	45,453,150
Cộng	2,219,288,473	2,054,639,070

27. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
Tổng cộng		

28. Quỹ khen thưởng Phúc lợi

	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3,317,315,016		4,326,300,000	(1,008,984,984)
Quỹ phúc lợi	154,812,980		1,254,977,000	(1,100,164,020)
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	69,091,291		7,832,348	61,258,943
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-			-
Tổng cộng	3,541,219,287	-	5,589,109,348	(2,047,890,061)

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số cuối quý	Số năm trước
Số đầu năm		2,000,000,000
Số tăng trong kỳ		-
Số giảm trong kỳ		2,000,000,000
Số cuối kỳ		-

30. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối quý	Số năm trước
Số đầu năm		-
Số tăng trong kỳ		2,000,000,000
Số giảm trong kỳ		2,000,000,000
Số cuối kỳ		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

31. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước					
Số dư 01/01/2013	192,500,000,000	49,492,432,100	9,531,062,057	79,083,643,176	330,607,137,333
Lợi nhuận trong kỳ				34,209,983,341	34,209,983,341
Phụ cấp HĐQT & BKS				(600,000,000)	(600,000,000)
Trích lập các quỹ năm 2012		16,251,493,282	3,000,000,000	(19,251,493,282)	-
Chi cổ tức năm 2012				(38,500,000,000)	(38,500,000,000)
Trích lập quỹ khen thưởng				(6,000,000,000)	(6,000,000,000)
Trích lập quỹ phúc lợi				(3,000,000,000)	(3,000,000,000)
Trích lập quỹ thưởng HĐQT & Ban Giám đốc năm 2012		(500,000,000)			(500,000,000)
Số dư 31/12/2013	192,500,000,000	65,243,925,382	12,531,062,057	45,942,133,235	316,217,120,674
					-
Năm nay					-
Số dư 01/01/2014	192,500,000,000	65,243,925,382	12,531,062,057	45,942,133,235	316,217,120,674
Lợi nhuận trong kỳ				40,628,874	40,628,874
Phụ cấp HĐQT & BKS					-
Trích lập các quỹ					-
Chi cổ tức					-
Trích lập quỹ khen thưởng					-
Trích lập quỹ phúc lợi					-
Trích lập quỹ thưởng HĐQT & Ban Giám đốc					-
Số dư 31/03/2014	192,500,000,000	65,243,925,382	12,531,062,057	45,982,762,109	316,257,749,548

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số năm trước
Vốn đầu tư của Nhà nước (51%VĐL)	98.175.000.000	98.175.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác (49% VĐL)	94.325.000.000	94.325.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cộng	192.500.000.000	192.500.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối quý	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	192.500.000.000	192.500.000.000
Vốn góp đầu năm	0	0
Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
Vốn góp cuối kỳ	192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu thường	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Cổ phiếu thường	0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu thường	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng		

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để: Bổ sung vốn điều lệ của Công ty. Trước khi có Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung vốn điều lệ, Công ty tạm thời sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Quỹ khen thưởng được dùng để: Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác mỗi cán bộ, công nhân viên trong công ty; Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong công ty; Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài công ty có đóng góp cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty

- Quỹ phúc lợi được dùng để: Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi trong công ty; Chi cho hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên công ty, phúc lợi xã hội; trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, viếng ma chay hoặc làm công tác từ thiện, tham quan du lịch.

7630
CÔNG
CỐ PH
CAO
SUNG
BÀ R

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 01/2014

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 01 năm nay	Quý 01 năm trước
1 Tổng doanh thu	5,609,223,848	21,688,882,693
Doanh thu bán mủ cao su	1,680,000,000	11,779,695,000
Doanh thu bán thức ăn gia súc, gia cầm	1,904,652,448	5,563,265,453
Doanh thu gia công điều nhân	1,840,532,000	1,448,550,000
Doanh thu gia công mủ	184,039,400	72,412,800
Doanh thu bán sản phẩm từ gỗ & chi phí gia công sản phẩm gỗ		2,824,959,440
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	5,609,223,848	21,688,882,693

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 01 năm nay	Quý 01 năm trước
Giá vốn bán mủ cao su	1,519,314,314	8,839,667,376
Giá vốn bán thức ăn gia súc, gia cầm	2,217,643,841	5,311,980,904
Giá vốn chi phí gia công điều nhân	1,048,154,884	1,363,114,159
Giá vốn chi phí gia công mủ cao su	180,179,989	65,033,640
Giá vốn bán sản phẩm gỗ & chi phí gia công sản phẩm gỗ		2,617,072,568
Cộng	4,965,293,028	18,196,868,647
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	4,965,293,028	18,196,868,647

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 01 năm nay	Quý 01 năm trước
Lãi tiền gửi	1,074,231,452	3,574,191,844
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	1,074,231,452	3,574,191,844

4. Chi phí tài chính

	Quý 01 năm nay	Quý 01 năm trước

5. Chi phí bán hàng

	Quý 01 năm nay	Quý 01 năm trước
Chi phí bốc xếp mủ		3,600,000
Chi phí tiêu thụ điều nhân	5,078,984	4,816,415
Chi phí tiêu thụ thức ăn gia súc	14,507,625	21,848,750
Cộng	19,586,609	30,265,165

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 01 năm nay	Quý 01 năm trước
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	868,360,266	1,088,144,220
Chi phí trả trước dài hạn	15,182,627	15,555,637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60,305,057	66,518,886
Thuế, phí và lệ phí	9,000,000	16,183,554
Chi phí bằng tiền	608,666,127	363,813,737
Tiền thuê xe	120,000,000	40,000,000
Chi phí trợ cấp thôi việc	73,037,500	8,089,800
Cộng	1,754,551,577	1,598,305,834

7. Thu nhập khác

	Quý 01 năm nay	Quý 01 năm trước
Thu từ thanh lý vườn cây cao su & tài sản cố định khác	44,670,000	3,959,190,000
Thu từ bán mù vụn, mù bột		54,825,000
Thu hỗ trợ & phí phơi điều	77,169,840	187,285,927
Hoàn nhập dự phòng		50,000,000
Thu khác	65,626,968	4,500,000
Cộng	187,466,808	4,255,800,927

8. Chi phí khác

	Quý 01 năm nay	Quý 01 năm trước
Giá trị còn lại tài sản thanh lý		
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Chi phí khấu hao tài sản cố định		18,747,316
Chi phí hỗ trợ & phí phơi điều	76,730,442	183,116,860
Chi phí khác	1,824,279	
Cộng	78,554,721	201,864,176

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
I Tổng doanh thu	5,609,223,848	21,688,882,693
Doanh thu bán mù cao su	1,680,000,000	11,779,695,000
Doanh thu bán thức ăn gia súc, gia cầm	1,904,652,448	5,563,265,453
Doanh thu gia công điều nhân	1,840,532,000	1,448,550,000
Doanh thu gia công mù	184,039,400	72,412,800
Doanh thu bán sản phẩm từ gỗ & chi phí gia công sản phẩm gỗ		2,824,959,440
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	5,609,223,848	21,688,882,693

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mủ cao su	1,519,314,314	8,839,667,376
Giá vốn bán thức ăn gia súc, gia cầm	2,217,643,841	5,311,980,904
Giá vốn chi phí gia công điều nhân	1,048,154,884	1,363,114,159
Giá vốn chi phí gia công mủ cao su	180,179,989	65,033,640
Giá vốn bán sản phẩm gỗ & chi phí gia công sản phẩm gỗ		2,617,072,568
Cộng	4,965,293,028	18,196,868,647
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	4,965,293,028	18,196,868,647

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1,074,231,452	3,574,191,844
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	1,074,231,452	3,574,191,844

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bốc xếp mủ		3,600,000
Chi phí tiêu thụ điều nhân	5,078,984	4,816,415
Chi phí tiêu thụ thức ăn gia súc	14,507,625	21,848,750
Cộng	19,586,609	30,265,165

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	868,360,266	1,088,144,220
Chi phí trả trước dài hạn	15,182,627	15,555,637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60,305,057	66,518,886
Thuế, phí và lệ phí	9,000,000	16,183,554
Chi phí bằng tiền	608,666,127	363,813,737
Tiền thuê xe	120,000,000	40,000,000
Chi phí trợ cấp thôi việc	73,037,500	8,089,800
Cộng	1,754,551,577	1,598,305,834

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý vườn cây cao su & tài sản cố định khác	44,670,000	3,959,190,000
Thu từ bán mù vụn, mù bọt		54,825,000
Thu hỗ trợ & phí phơi điều	77,169,840	187,285,927
Hoàn nhập dự phòng		50,000,000
Thu khác	65,626,968	4,500,000
Cộng	187,466,808	4,255,800,927

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản thanh lý		
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Chi phí khấu hao tài sản cố định		18,747,316
Chi phí hỗ trợ & phí phơi điều	76,730,442	183,116,860
Chi phí khác	1,824,279	
Cộng	78,554,721	201,864,176

9. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52,936,173	9,491,571,642
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3,006,097	18,747,316
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tổng thu nhập chịu thuế	55,942,270	9,510,318,958
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính	12,307,299	2,377,579,740
Thuế thu nhập được miễn	-	669,720,744
- Theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP		669,720,744
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12,307,299	1,707,858,996

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	40,628,874	7,783,712,646
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	40,628,874	7,783,712,646

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19,250,000	19,250,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2	404

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Khấu hao tài sản cố định

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1,722,622,818	1,738,017,528
Khấu hao tài sản cố định vô hình		
Tổng cộng	1,722,622,818	1,738,017,528

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	1,074,231,452	3,574,191,844
Lãi (lỗ) từ hoạt động thanh lý tài sản	44,670,000	3,959,190,000
Tổng cộng	1,118,901,452	7,533,381,844

3. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua sắm tài sản cố định hữu hình	2,056,615,705	1,810,454,744
Mua sắm tài sản cố định vô hình		
Tổng cộng	2,056,615,705	1,810,454,744

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan: Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (đồng)
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn	
- Bán cây cao su gãy đổ		44,670,000
Châu Thị Hồng Điệp	Vợ CT.HĐQT kiêm TGD	
- Gia công mù		5,180,070
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	
- Thuê xe		120,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Châu Thị Hồng Diệp	29,320,410	24,140,340

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyễn Văn Thoại	120.000.000	120.0000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(2):

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 03 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm: Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mủ cao su và gỗ Bàu Non và Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú: Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân
- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	SẢN XUẤT CAO SU	CHẾ BIẾN, GIA CÔNG ĐIỀU	THỨC ĂN CHĂN NUÔI	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1, Doanh thu thuần	1,864,039,400	1,840,532,000	1,904,652,448	5,609,223,848
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác				-
3. Khấu hao	1,415,017,515	102,653,675	204,951,628	1,722,622,818
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(407,302,339)	787,737,530	(327,499,018)	52,936,173
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	2,056,615,705			2,056,615,705
6. Tài sản bộ phận	323,775,294,728	4,756,233,820	7,559,987,619	336,091,516,167
7. Tài sản không phân bổ				-
Tổng Tài sản	323,775,294,728	4,756,233,820	7,559,987,619	336,091,516,167
8. Nợ phải trả bộ phận	16,575,410,291	897,521,442	2,360,834,886	19,833,766,619
9. Nợ phải trả không bộ phận				-
Tổng Nợ phải trả	16,575,410,291	897,521,442	2,360,834,886	19,833,766,619

Ghi chú: Cột 6: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 01 NĂM 2014

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6- Thông tin về hoạt động liên tục:

7- Những thông tin khác:

Căn cứ tại Điểm 3.2, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính “ Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ thì phải giải trình rõ các nguyên nhân đó trong cả Báo cáo kết quả kinh doanh công ty mẹ và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân trong cả Báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và Báo cáo tài chính tổng hợp”

Căn cứ quy định trên, Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất xin giải trình như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 01/2014 đạt **40.628.874 đồng** so với quý 01/2013 là **7.783.712.646 đồng**, tương ứng với mức giảm là 7.743.083.772 đồng, tỷ lệ giảm là 99,48%.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Do doanh thu hoạt động tài chính giảm do lãi suất tiền gửi giảm;
- Lợi nhuận từ thu nhập khác giảm do chưa có hoạt động thanh lý vườn cây;
- Sản lượng tiêu thụ giảm so với Quý 01/2013 (Giảm 160 tấn SVR3L)
- Do giá bán cao su giảm mạnh so với quý 01/2013

Bà Rịa, ngày 18 tháng 04 năm 2014

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Nhật Thành Lâm

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Mạnh Như

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Lợi